

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3713/SGDĐT-QLCL&CNT ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân và dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 3843/SGDĐT-QLCL&CNTT ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thẩm định Dự thảo Tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân và dự thảo Nghị quyết Hội đồng nhân dân tỉnh; Công văn số 4063/SGDĐT-QLCL&CNTT ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc trình Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết. Qua nghiên cứu hồ sơ dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông, ngày 12 tháng 7 năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang và ngày 12 tháng 12 năm 2022 Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang; Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2021 quy định mức chi tiền công thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương; nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi thuộc lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Ngày 12 tháng 06 năm 2025, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó “23. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Kiên Giang và tỉnh An Giang thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh An Giang. Sau khi sắp xếp, tỉnh An Giang có diện tích tự nhiên là 9.888,91 km², quy mô dân số là 4.952.238 người.”.

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung tại khoản 20 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Căn cứ quy định trên, ngày 01 tháng 7 năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang ban hành Nghị quyết số 15/NQ-HĐND về việc áp dụng nghị quyết quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang, tỉnh Kiên Giang ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo. Theo đó, Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND tiếp tục được áp dụng trên phạm vi đơn vị hành chính tỉnh An Giang (mới) cho đến khi có văn bản thay thế hoặc bãi bỏ.

Khoản 1 Điều 1 và khoản 13 Điều 8, khoản 4 Điều 9 Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông:

a) Các nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế; chuẩn bị và tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế;

b) Các nhiệm vụ do các địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.

Điều 8. Quy định về mức chi

Căn cứ vào khả năng kinh phí, vai trò thực tế của từng chức danh quy định tại khoản 4, khoản 8, điểm b, c, e khoản 9, khoản 10 và điểm a khoản 12 Điều 8 Thông tư này, Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức tiền công cụ thể cho từng chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương.

Điều 9. Tổ chức thực hiện

4. Ngoài các nội dung và mức chi quy định tại Thông tư này, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định về nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo tại địa phương, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, nhiệm vụ chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các địa phương và nguồn ngân sách địa phương.”.

Điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 31. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp

9. Đối với Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điều này còn có nhiệm vụ, quyền hạn:

l) *Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương;”*

Điểm a, điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:

a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;

c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”

Căn cứ các quy định nêu trên, cơ quan soạn thảo tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi (thay thế Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND) **là cần thiết và đúng thẩm quyền.**

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Quy định mức tiền công cho các chức danh là thành viên thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi do địa phương chủ trì thực hiện (gọi tắt là các nhiệm vụ thi ở địa phương) gồm: Kỳ thi tuyển sinh đầu cấp, Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; Kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã), cấp tỉnh môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia các theo quy định tại khoản 13 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

b) Quy định nội dung chi, mức chi đối với các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo do địa phương tổ chức theo quy định của pháp luật, không bao gồm mức tiền công đối với các nhiệm vụ thi quy định tại điểm a khoản này.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang, các cơ quan, đơn vị có liên quan, được cơ quan có

tham quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ và cá nhân tham gia được áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này.

3. Ý kiến Sở Tư pháp

a) Điều 65 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 65. Quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản

1. Phạm vi điều chỉnh của văn bản phải nêu các nội dung chính của văn bản.

2. Trường hợp văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn có điều, khoản giao quy định chi tiết thì phải nêu cụ thể điều, khoản đó tại điều, khoản quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.

3. Trường hợp văn bản quy định chi tiết nhiều điều, khoản hoặc vừa quy định chi tiết các điều, khoản được giao vừa quy định các nội dung khác thì phải nêu đầy đủ trong phần quy định về phạm vi điều chỉnh của văn bản.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung điều khoản điểm giao quy định chi tiết vào điểm a khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh nội dung tại điểm b khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết theo hướng xác định cụ thể các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo do địa phương tổ chức được áp dụng Nghị quyết này, bảo đảm phân định rõ với các kỳ thi quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1, bảo đảm tính minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện.

III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Đối với nội dung tại Điều 1 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh theo khoản 3 Mục II Báo cáo này.

2. Đối với nội dung Điều 2 dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

a) Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 2. Nội dung chi, mức chi

1. Mức chi tiền công cho các chức danh và thành viên thực hiện các nhiệm vụ thi ở địa phương

a) Đối với kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, kỳ thi chọn đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế: áp dụng theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

b) Đối với kỳ thi tuyển sinh đầu vào lớp 10, kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh các môn văn hóa: áp dụng bằng 80% mức tiền công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

c) Đối với kỳ thi tuyển sinh đầu vào lớp 6, kỳ thi chọn học sinh giỏi thuộc cơ quan quản lý cấp xã các môn văn hóa: áp dụng bằng 60% mức tiền công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

d) Đối với kỳ thi chọn học sinh giỏi tại các cơ sở giáo dục: áp dụng bằng 50% mức tiền công quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

Thứ nhất, khoản 1 Điều 1 Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc công tác chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông:

a) Các nhiệm vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia trung học phổ thông các môn văn hóa; kỳ thi chọn đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế; chuẩn bị và tham dự các kỳ thi Olympic khu vực và quốc tế;

b) Các nhiệm vụ do các địa phương chủ trì thực hiện đối với các kỳ thi tuyển sinh đầu cấp; kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh các môn văn hóa, chọn học sinh giỏi cấp quốc gia.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ việc quy định kỳ thi chọn đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế tại điểm a khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

Thứ hai, khoản 2 Điều 4 Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (có hiệu lực ngày 14 tháng 02 năm 2025) quy định:

“Điều 4. Phương thức tuyển sinh trung học cơ sở

2. Tuyển sinh trung học cơ sở được thực hiện theo phương thức xét tuyển.”

Căn cứ quy định trên, Sở Tư pháp nhận thấy từ ngày 14 tháng 02 năm 2025 tuyển sinh trung học cơ sở thực hiện theo phương thức xét tuyển, do đó đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ việc quy định kỳ thi tuyển sinh đầu vào lớp 6 tại điểm c khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

b) Đối với nội dung tại khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định:

“Điều 2. Nội dung chi, mức chi

2. Nội dung chi, mức chi để tổ chức các kỳ thi khác thuộc lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội thảo hội nghị, chi đi công tác để kiểm tra trước và sau khi thi: mức chi theo quy định tại Nghị quyết số 05/2025/NQ-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh An Giang.

b). Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban; tiền công ra đề thi, xây dựng ngân hàng câu hỏi, chấm thi:

Đối với kỳ thi khác cấp tỉnh: áp dụng bằng 80 % mức tiền công quy định quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Đối với kỳ thi khác cơ quan quản lý cấp xã: áp dụng bằng 60% mức tiền công quy định quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

Đối với kỳ thi khác do cấp trên hướng dẫn, thực hiện tại các cơ sở giáo dục (bao gồm cuộc thi học sinh giỏi cấp trường): áp dụng bằng 50% mức tiền công quy định quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”

Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

Thứ nhất, điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP quy định:

“Điều 68. Viện dẫn văn bản quy phạm pháp luật

1. Việc viện dẫn văn bản được thực hiện như sau:

b) Đối với văn bản khác, khi viện dẫn lần đầu phải ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản và tên gọi của văn bản. Đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản; trường hợp được sửa đổi, bổ sung nhiều lần thì từ lần thứ hai trở đi chỉ ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

Lần viện dẫn tiếp theo, ghi tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản; đối với văn bản đã được sửa đổi, bổ sung thì ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.”

Căn cứ quy định trên, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ ngày tháng năm và cơ quan ban hành tại điểm a khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết.

Thứ hai, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu chấm sau điểm b khoản 2 Điều 2 dự thảo do thừa.

Thứ ba, đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ “kỳ thi khác thuộc lĩnh vực giáo dục” quy định tại khoản 2 Điều 2 để bảo đảm tính minh bạch, thuận lợi trong quá trình áp dụng và tránh cách hiểu không thống nhất.

c) Sở Tư pháp nhận thấy bố cục và cách thức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 dự thảo Nghị quyết chưa thật sự rõ ràng, có thể gây khó khăn trong quá trình áp dụng. Cụ thể, khoản 1 quy định về mức chi tiền công đối với các nhiệm vụ thi ở địa phương, trong khi khoản 2 quy định nội dung chi, mức chi đối với các kỳ thi khác thuộc lĩnh vực giáo dục. Tuy nhiên, dự thảo chưa làm rõ mối quan hệ giữa hai khoản này cũng như phạm vi áp dụng của từng nhóm kỳ thi.

Bên cạnh đó, khoản 1 chỉ quy định mức chi tiền công cho các chức danh, thành viên thực hiện nhiệm vụ thi mà chưa thể hiện các nội dung chi khác (nếu có) phục vụ tổ chức kỳ thi; trong khi khoản 2 lại đồng thời quy định cả nội dung chi và mức chi. Ngoài ra, cả khoản 1 và khoản 2 đều sử dụng phương thức xác

định mức chi theo tỷ lệ phần trăm (80%, 60%, 50%) của mức chi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nhưng chưa làm rõ cơ sở phân loại các kỳ thi để áp dụng các mức tỷ lệ khác nhau.

Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, nghiên cứu sắp xếp lại bố cục Điều 2 theo hướng phân nhóm nội dung chi một cách thống nhất (ví dụ: chi tiền công; chi hội họp, công tác phí; chi ra đề, chấm thi...) hoặc phân nhóm theo từng loại kỳ thi, đồng thời làm rõ phạm vi áp dụng của từng khoản để bảo đảm tính logic, minh bạch và thuận lợi trong quá trình tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 68 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ ngày tháng năm, cơ quan ban hành văn bản và tên văn bản tại khoản 5 Điều 2 và khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị quyết.

4. Đối với nội dung tại Điều 4 dự thảo Nghị quyết

a) Đề nghị bỏ từ “kể” tại khoản 1 Điều 4 dự thảo Nghị quyết.

b) Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh khoản 2 như sau:

2. Nghị quyết này thay thế các Nghị quyết sau:

a)...

b)...

5. Đối với dự thảo Phụ lục

a) Đối với nội dung công tác ra đề thi dự thảo Phụ lục quy định:

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
I	Ban chỉ đạo/Hội đồng thi/Công tác ra đề thi			
1	Ban chỉ đạo/Hội đồng thi			
1.1	Trưởng ban/Chủ tịch	Người/ngày	500	
1.2	Phó Trưởng ban/Phó Chủ tịch	Người/ngày	450	
1.3	Ủy viên, Thư ký	Người/ngày	400	
<u>2</u>	<u>Tiền công ra đề: xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi, bản đặc tả đề thi</u>			
2.1	<u>Ủy viên, Thư ký</u>	Người/ngày	350	
2.2	Tiền công ra đề xuất đối với đề tự luận	Đồng/đề	600	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Định mức chi	Ghi chú
2.3	Tiền công ra đề thi chính thức và dự bị (soạn thảo, thẩm định, phản biện)	Người/ngày	600	
3	Tiền công cho thành viên Hội đồng/ <u>Ban ra đề thi</u>			
3.1	Chủ tịch/Trưởng ban	Người/ngày	500	
3.2	Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	Người/ngày	450	
3.3	Ủy viên, Thư ký, Công an (làm việc cách ly)	Người/ngày	380	
3.4	Ủy viên, Thư ký, Công an (vòng ngoài)	Người/ngày	350	
3.5	Bảo vệ, Y tế, Phục vụ (vòng ngoài)	Người/ngày	200	

Khoản 4 và khoản 8 Điều 8 Thông tư số 69/2021/TT-BTC quy định:

“Điều 8. Quy định về mức chi

4. Chi tiền công cho các chức danh là thành viên của Hội đồng/Ban ra đề thi (Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng trong 24h/24h; Ủy viên, Thư ký, bảo vệ vòng ngoài); Hội đồng/Ban in sao đề thi (Trưởng ban, Phó Trưởng ban, Ủy viên, thư ký làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly; nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài) và thành viên bộ phận vận chuyển đề thi...: Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12/01/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH).”

8. Tiền công ra đề thi

a) Tiền công xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi (Chủ trì; các thành viên): Áp dụng cách thức tính toán tiền công theo ngày cho từng chức danh nhưng không phân biệt trình độ đào tạo và thâm niên công tác theo mức lương quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH.”

Căn cứ quy định trên, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Phụ lục quy định đồng thời tiền công ra đề thi và tiền công đối với thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi nhưng chưa làm rõ nội dung công việc của từng chủ thể được hưởng chế độ của từng khoản chi có thể dẫn đến trùng lặp trong việc áp dụng chế độ, gây khó khăn trong quá trình thực hiện và thanh quyết toán kinh phí. Vì vậy, đề nghị cơ

quan soạn thảo rà soát nội dung chi đối với công tác ra đề thi và thành viên Hội đồng/Ban ra đề thi tại dự thảo Phụ lục.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo làm rõ việc quy định mức chi cho ban coi thi, điểm thi tại Mục IV dự thảo Phụ lục trong tại Bản so sánh, thuyết minh dự thảo Nghị quyết.

6. Đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh vị trí Điều 4 và Điều 5, cụ thể như sau:

Điều 4. Tổ chức thực hiện

...

Điều 5. Hiệu lực thi hành

...

7. Đề nghị cơ quan soạn thảo lấy ý kiến của Sở Tài chính về các nội dung liên quan đến kinh phí, mức chi tại dự thảo Nghị quyết để bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

IV. DỰ THẢO TỜ TRÌNH

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ từ “Thường trực” tại phần Kính gửi dự thảo Tờ trình.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “thay thế Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh” tại đoạn đầu dự thảo Tờ trình, đoạn đầu khoản 1 Mục II dự thảo Tờ trình do thừa.

3. Đối với nội dung Mục III dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo nêu rõ văn bản đã được Hội đồng nhân dân chấp thuận xây dựng Nghị quyết, văn bản lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của Nghị quyết,...

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung nội dung so sánh kinh phí thực hiện của Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND với mức kinh phí dự kiến khi triển khai thực hiện chính sách mới được nêu trong dự thảo Tờ trình nhằm làm rõ mức tăng, giảm và nguyên nhân của sự thay đổi.

5. Đề xuất cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “Thời gian Ủy ban nhân dân tỉnh trình hồ sơ dự thảo đến Hội đồng nhân dân tỉnh: Ngày ... tháng ... năm 2026” tại khoản 3 Mục V dự thảo.

6. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung “Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ...quyết định.” thành “Trên đây là Tờ trình về dự

án, dự thảo..., ...xin kính trình...xem xét, quyết định.” nhằm đúng Mẫu số 02 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

V. BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Nội dung thuyết minh, đề nghị thuyết minh cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn để dự thảo nội dung Quyết định.

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh nội dung dự thảo văn bản thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định.

VI. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

Ngày 05 tháng 5 năm 2026, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Thông báo số 48/TB-TT Ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang.

Sở Giáo dục và Đào tạo lấy ý kiến góp ý của sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân cấp xã; đăng trên Cổng thông tin điện tử tỉnh. Sau khi lấy ý kiến, Sở Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, hoàn chỉnh dự thảo văn bản gửi Sở Tư pháp để thẩm định đúng theo quy định. Ngày 17 tháng 6 năm 2026, Sở Tư pháp tổ chức cuộc họp thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động tổ chức các kỳ thi, kiểm tra, đánh giá, khảo sát, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục trên địa bàn tỉnh An Giang. Trên cơ sở ý kiến của thành viên họp thẩm định, Sở Giáo dục và Đào tạo đã điều chỉnh dự thảo gửi hồ sơ hoàn chỉnh để Sở Tư pháp thẩm định.

VI. KẾT LUẬN

Sau khi cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Nghị quyết theo các ý kiến tại Mục III, IV, V của Báo cáo này, đề nghị cơ quan soạn thảo hoàn thiện hồ sơ và gửi Sở Tư pháp để thực hiện thẩm định lần 2.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Giáo dục và Đào tạo;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, vkloan.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc